

## BÁO CÁO

### Về việc báo cáo giá cả thị trường tự do trước và sau Tết Nguyên đán 2020

#### I. Tổng quan chung về tình hình giá cả thị trường trước Tết Nguyên đán 2020:

Qua khảo sát, hiện nay trên địa bàn tỉnh giá cả hàng hóa và diễn biến thị trường ổn định, sức mua chưa tăng. Trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý sức mua không tăng quá cao, nguyên nhân do các mặt hàng nông sản như: Cà phê, tiêu mất mùa và mất giá so với những năm trước sẽ ảnh hưởng đến đời sống và sức mua trong dịp Tết Nguyên đán; bên cạnh đó là sự chuẩn bị về nguồn hàng, phương án cung ứng hàng hóa phục vụ Tết khá chu đáo của địa phương, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, nguồn cung hàng hóa sẽ đáp ứng đủ nhu cầu trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán. Dự báo thị trường các mặt hàng thiết yếu trong dịp Tết sẽ không có hiện tượng thiếu hàng, tăng giá đột biến, giá có thể sẽ tăng nhẹ đối với một số mặt hàng có nhu cầu cao và dồn vào những ngày giáp Tết như thực phẩm tươi sống, hoa, trái cây...

- **Lương thực, thực phẩm:** Giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm có biến động. Cụ thể, giá phổ biến một số mặt hàng như sau:

+ Lương thực: Giá gạo giữ ở mức ổn định, cụ thể: Giá gạo tẻ thường dao động ở mức 11.000 - 11.500 đồng/kg; gạo tám thơm, năng hương dao động ở mức 14.000 - 20.000 đồng/kg; Giá thóc tẻ 6.500 đồng/kg.

+ Thực phẩm: Thịt bò: 250.000 đồng/kg; thịt lợn biến động tăng, cụ thể: thịt lợn thăn: 140.000 đồng/kg; thịt mông sản 140.000 đồng/kg; gà công nghiệp làm sẵn 80.000 đồng/kg; thịt gà ta 110.000 đồng/kg.

Giá các loại thủy, hải sản tương đối ổn định, cụ thể như sau: Giá Cá thu: 220.000 đồng/kg; cá trắm: 60.000 đồng/kg; cá lóc đồng: 75.000 đồng/kg; cá biển (loại 4): 50.000 - 70.000 đồng/kg.

Giá các loại rau, củ quả giữ ổn định so với cùng kỳ tháng trước. Cụ thể, mức giá phổ biến của các mặt hàng như sau: Rau bắp cải 15.000 đồng/kg; cà chua: 18.000 đồng/kg; bí xanh: 15.000 đồng/kg.

- **Thực phẩm công nghệ:** Giá bình quân các loại bia rượu, các loại nước giải khát có xu hướng ổn định, cụ thể như sau: bia Saigon Lager: 225.000 đ/thùng; Rượu vang Đà Lạt: 82.000 đồng/chai; cocacola chai (24 chai/két): 105.000 đồng/két.

Muối xay trộn Iốt: 5.000 đồng/kg, dầu ăn thực vật hiệu Tường An: 42.000 đồng/lít.

Giá đường ở mức: 16.000 đồng/kg.

- **Giá các mặt hàng dịch vụ y tế:** bằng mức giá tối đa quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế.

- **Nông sản:** Giá cà phê nhân xô 5% đen vỡ bình quân thời điểm hiện nay ở mức 31.700 đồng/kg, Giá hạt tiêu đen: 40.000 đồng/kg.

- **Phân bón:** Giá phân Urê Phú Mỹ bình quân thời điểm hiện nay ở mức: 400.000 đồng/bao; Phân NPK bình quân thời điểm hiện nay ở mức: 515.000 đồng/bao.

- **Vật liệu xây dựng:** Giá các loại vật liệu xây dựng giữ ở mức ổn định so với cùng kỳ tháng trước, cụ thể: Giá xi măng Hà tiên PCB30: 86.363 đồng/bao; giá bán bình quân thép xây dựng  $\Phi$  6 ở mức: 17.272 đồng/kg; Ống nhựa  $\Phi$  90 Bình Minh: 79.800 đồng/m; Ống nhựa  $\Phi$  20: 9.400 đồng/m.

- **Xăng, dầu:** Giá các loại xăng, dầu biến động theo giá thị trường chung của cả nước. Giá xăng sinh học E5 Ron 92 hiện tại ở mức: 20.230 đồng/lít; Giá dầu Diezen 0,05S khoảng 16.870 đồng/lít.

- **Khí hóa lỏng:** Giá gas bán lẻ tại các đại lý, cửa hàng kinh doanh khí đốt gas hóa lỏng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tính đến thời điểm hiện nay ở mức: 385.440 đồng/bình/12kg.

- **Vàng:** Giá vàng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông biến động theo thị trường chung trong nước và thế giới, giá vàng 99,9% (vàng trang sức) tại các doanh nghiệp, đại lý kinh doanh vàng, bạc, đá quý bình quân ở mức: mua vào: 4.300.000 đồng/chỉ; bán ra: 4.380.000 đồng/chỉ.

- **Ngoại tệ:** Tỷ giá giao dịch của đồng Việt Nam so với Đôla Mỹ tại ngân hàng thương mại trong tháng: 23.100 đồng/USD.

## **II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính:**

1. Về công tác kê khai giá cước vận tải của các doanh nghiệp kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất:

Trong dịp Tết, một số đơn vị kê khai tăng giá cước vận tải với mức tăng từ 20% áp dụng từ ngày 09/01 đến ngày 13/01 (tức từ ngày 15/12 đến ngày 19/12 âm lịch); tăng 40% áp dụng từ ngày 14/01 đến ngày 17/01 (tức từ ngày 20/12 đến ngày 23/12 âm lịch), tăng 60% áp dụng từ 18/01 đến 29/01 (tức từ ngày 24/12 đến 04/01 âm lịch) và từ ngày 26/01 đến 30/01 ( tức từ ngày 02/1 đến 06/1 âm lịch); tăng 40% áp dụng từ ngày 31/01 đến ngày 03/02 (tức từ ngày 07/01 đến ngày 10/01 âm lịch). Theo giải trình của các đơn vị, việc điều chỉnh giá cước phục vụ dịp Tết để bù đắp chi phí xe chạy rỗng.

2. Về công tác xây dựng phương án hỗ trợ công tác dự trữ hàng hóa thiết yếu phục vụ Tết:

Để bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý 2020 và chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ nhân dân đón năm mới vui tươi, yên bình, an toàn, tiết kiệm, Sở Công Thương đã có văn bản chỉ đạo, yêu cầu các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực Ngành Công thương tổ chức thực hiện tốt các nội dung liên quan, cụ thể:

- Thường xuyên theo dõi tình hình cung cầu, diễn biến giá cả hàng hóa thiết yếu trước, trong và sau Tết Nguyên đán Canh Tý 2020 trên địa bàn tỉnh và kịp thời báo cáo Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện.

- Chỉ đạo các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm trong ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trước, trong và sau Tết Nguyên đán Canh Tý 2020.

- Chỉ đạo Công ty Điện lực Đắk Nông và các Chi nhánh điện các huyện, thị xã về việc đảm bảo việc cung cấp điện, có phương án dự phòng để đảm bảo điện cho sản xuất, sinh hoạt của nhân dân, sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, ổn định phục vụ nhân dân và các hoạt động vui xuân, đón Tết Nguyên đán trên địa bàn tỉnh.

- Ngoài ra, Sở Công Thương chỉ đạo Trung tâm Xúc tiến thương mại tiếp tục phối hợp với Siêu thị Coopmart Gia Nghĩa tổ chức nhiều đợt bán hàng lưu động tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa nhằm phục vụ nhu cầu mua sắm Tết của nhân dân ( tổ chức hai đợt bán hàng lưu động tại huyện Đắk G'Long).

- Chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh -Truyền hình, Báo Đắk Nông và các đơn vị có liên quan thông tin đầy đủ và kịp thời về cung cầu, diễn biến giá cả thị trường, các chính sách bình ổn thị trường của nhà nước, thông tin các điểm bán hàng lưu động bình ổn thị trường và các cửa hàng bán thực phẩm an toàn cho người dân địa phương; tuyên truyền sâu rộng việc thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; kiểm soát các thông tin thất thiệt có thể gây bất ổn thị trường.

### 3. Về công tác đấu tranh chống buôn lậu, thương mại và hàng giả:

- Sở Công thương phối hợp với Cục Quản lý thị trường cao điểm chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trước, trong và sau Tết Nguyên đán trong đó tập trung tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, ngăn chặn trong khâu buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng hóa không rõ nguồn gốc, hàng vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm; tập trung kiểm tra, tuần tra chặt chẽ tại các tuyến và địa bàn trọng điểm, các mặt hàng nhập lậu, hàng giả thường có xu hướng gia tăng trong dịp Tết (như chất nổ, pháo, vũ khí; hàng hóa vi phạm môi trường; các mặt hàng phục vụ nhu cầu tăng cao trong dịp Tết như thuốc lá, rượu bia, gia cầm, thực phẩm...); kiểm soát các thông tin thất thiệt gây bất ổn thị trường; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các hành vi đầu cơ, găm hàng nhằm tăng giá để thu lợi bất chính.

### 4. Về công tác phòng, chống dịch bệnh dịp Tết Nguyên Đán:

Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã có văn bản triển khai đến các cơ quan, đơn vị liên quan cụ thể như sau:

#### \* UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa

- Tổ chức thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, đặc biệt là phòng, chống, khống chế bệnh Dịch tả lợn Châu Phi căn cứ theo tình hình diễn biến tại địa phương đảm bảo kịp thời, hiệu quả theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 5627/UBND-KTN ngày 22/11/2019 về việc tiếp tục thực

hiện các giải pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm vụ Đông Xuân và Công văn số 25/SNN-PTNN ngày 06/01/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm trước, trong và sau tết Nguyên đán năm 2020.

- Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế và Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp tiếp tục triển khai tháng tổng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng trước và sau Tết Nguyên đán đối với những nơi có nguy cơ cao như cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm; cơ sở giết mổ động vật tập trung; Chợ có buôn bán gia súc, gia cầm sống và sản phẩm động vật; Nơi công cộng, đường làng, ngõ xóm; Khu vực biên giới, ...

#### \* Chi cục Phát triển nông nghiệp

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố Gia Nghĩa tăng cường công tác giám sát dịch bệnh trên đàn vật nuôi; chỉ đạo sản xuất vụ Đông Xuân theo hướng mở rộng diện tích các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, quan tâm chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, triển khai trồng cây rau màu các loại còn thời vụ để đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn tỉnh trước tác động của thiên tai, lũ lụt và đặc biệt là dịp Tết Nguyên đán.

- Tăng cường công tác quản lý kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; phối hợp với các đơn vị có liên quan khi có yêu cầu để kiểm tra, giám sát việc cung ứng nông sản phục vụ nhu cầu của người dân dịp Tết Nguyên đán năm 2020.

#### \* Thanh tra Sở

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng chất cấm, thuốc an thần và bơm nước vào gia súc, gia cầm trong chăn nuôi, các đơn vị kinh doanh phân bón thuốc bảo vệ thực vật; tổ chức ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, không có giấy chứng nhận kiểm dịch, không có kết quả xét nghiệm đối với bệnh Dịch tả lợn Châu phi ra, vào địa bàn tỉnh./.

#### 5. Về công tác truyền thông, thông tin trong dịp Tết Nguyên Đán:

- Công/trang thông tin điện tử các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã tăng cường số lượng tin, bài, chuyên mục, chuyên trang, thời lượng phát sóng tuyên truyền về tuyên truyền các biện pháp quản lý, điều hành và bình ổn thị trường giá dịp Tết Nguyên đán Canh Tý 2020, .

- Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh như Báo Đắk Nông, Báo Đắk Nông điện tử, Đài PT – TH tỉnh, đã tăng cường công tác tuyên truyền thông tin đầy đủ và kịp thời về thị trường, giá cả, các chính sách bình ổn thị trường của nhà nước, thông tin các điểm bán hàng bình ổn và thực phẩm an toàn cho người dân; cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về nguồn cung, giá thực phẩm, các sản phẩm thay thế thịt lợn, để người dân hiểu, không tạo ra lạm phát giả tạo, không để doanh nghiệp, thương lái trục lợi để tăng giá. Trong đó, lưu ý dung lượng, nội dung tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức, nội dung phù hợp để người dân không hoang mang trước việc tăng giá thịt lợn, không tự tái phát đàn tại các khu

vực có mầm bệnh Dịch tả lợn Châu phi; chủ động chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm cung cấp thực phẩm an toàn thay thế thịt lợn. Tuyên truyền, phát động phong trào toàn dân tham gia phát hiện, tố giác, không tham gia, không bao che, tiếp tay cho buôn bán, mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép pháo nổ.

6. Về việc theo dõi sát diễn biến cung cầu và giá cả thị trường trước, trong và sau Tết:

- Triển khai, đôn đốc các Sở ban ngành và UBND các huyện, thị xã về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán năm 2020; đồng thời báo cáo Sở Tài chính đảm bảo thời gian quy định theo chỉ đạo tại Công văn số 182/UBND-KTTH ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh và Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý 2020.

- Theo dõi sát diễn biến thị trường giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ Tết Nguyên đán năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá);
- VPUBND tỉnh (b/c)
- BCĐ389 (b/c);
- Ban Giám đốc;
- Website Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông;
- Lưu VT, GCS&TCDN (05 bản).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**PHỤ LỤC: BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 01 NĂM 2020**

*Kèm theo Báo cáo giá cả thị trường số 10/BC-STC ngày 30/01/2020 của Sở Tài chính*

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (Giá bình quân)	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	(9)=(8-7)	(10)=(9/7)	-12
<b>1</b>	<b>LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM</b>								
10.001	Gạo tẻ thường	Khang dân hoặc tương đương	đ/kg		11.200	11.200	0	0,000	
10.002	Gạo tẻ ngon	Tám thơm hoặc tương đương	đ/kg		18.000	18.000	0	0,000	
10.003	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)		đ/kg		83.000	83.000	0	0,000	
10.004	Thịt lợn nạc thăn (Thịt heo nạc thăn)		đ/kg		140.000	140.000	0	0,000	
10.005	Thịt bò thăn	Loại 1 hoặc phổ biến	đ/kg		250.000	250.000	0	0,000	
10.006	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 – 300 gram/ cái	đ/kg		260.000	260.000	0	0,000	
10.007	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 – 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg		110.000	110.000	0	0,000	
10.008	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lông, loại 1,5 – 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg		80.000	80.000	0	0,000	
10.009	Giò lụa	Loại 1 kg	đ/kg		110.000	110.000	0	0,000	
10.010	Cá quả (cá lóc)	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg		60.000	60.000	0	0,000	
10.011	Cá chép	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg		65.000	65.000	0	0,000	

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (Giá bình quân)	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
10.012	Tôm rảo, tôm nuôi nước ngọt	Loại 40-45 con/kg	đ/kg		200.000	200.000	0	0,000	
10.013	Bắp cải trắng	Loại to vừa khoảng 0,5-1kg/bắp	đ/kg		15.000	15.000	0	0,000	
10.014	Cải xanh	Cải ngọt hoặc cải cay theo mùa	đ/kg		15.000	15.000	0	0,000	
10.015	Bí xanh	Quả từ 1-2 kg hoặc phổ biến	đ/kg		15.000	15.000	0	0,000	
10.016	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đ/kg		18.000	18.000	0	0,000	
10.017	Muối hạt	Gói 01 kg	đ/kg		5.000	5.000	0	0,000	Muối iox
10.018	Dầu thực vật	Chai 01 lít	đ/lít		42.000	42.000	0	0,000	Dầu Tường an cooking oil
10.019	Đường trắng kết tinh, nội	Gói 01 kg	đ/kg		16.000	16.000	0	0,000	
<b>2</b>	<b>VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP</b>								
20.061	Phân đạm urê	Có hàm lượng Nitơ (N) tổng số $\geq 46\%$ ;	đ/kg, gói, bao		400.000	400.000	0	0,000	U rê phú mỹ, bao
20.062	Phân NPK	Có tổng hàm lượng các chất dinh dưỡng Nitơ tổng số (Nts), lân hữu hiệu (P2O5hh), kali hữu hiệu (K2Ohh) $\geq 18\%$ .	đ/kg, gói, bao		515.000	515.000	0	0,000	NPK đầu trâu vàng
<b>3</b>	<b>ĐỒ UỐNG</b>								
30.001	Nước khoáng	Chai nhựa 500ml	đ/chai		5.000	5.000	0	0,000	

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (Giá bình quân)	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
30.002	Rượu vang nội	Chai 750ml	đ/chai		82.000	82.000	0	0,000	
30.003	Nước giải khát có ga	Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng 24 lon		105.000	105.000	0	0,000	
30.004	Bia lon	Thùng 24 lon 330ml loại phổ biến	đ/thùng 24 lon		225.000	225.000	0	0,000	
<b>4</b>	<b>VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CHẤT ĐÓT, NƯỚC SINH HOẠT</b>								
40.001	Xi măng	PCB30 bao 50kg	đ/bao		86.363	86.363	0	0,000	Hà Tiên
40.002	Thép xây dựng	Ghi rõ quy cách	đ/kg		17.272	17.272	0	0,000	Ghi rõ nhãn hiệu
40.003	Cát xây	Mua rời dưới 2m3/lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m3		363.636	363.636	0	0,000	Tại Gia nghĩa
40.004	Cát vàng	Mua rời dưới 2m3/lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	đ/m3		418.182	418.182	0	0,000	Tại Gia nghĩa
40.006	Gạch xây	Gạch ống 2 lỗ, cỡ rộng 10 x dài 22, loại 1, mua rời tại nơi cung ứng hoặc tương đương	đ/viên		813	813	0	0,000	Tại Gia nghĩa (2 lỗ, 40x80x180m)
40.007	Ống nhựa	Phi 90 loại 1	đ/m		79.800	79.800	0	0,000	

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (Giá bình quân)	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
40.008	Gas đun	Loại bình 12kg (không kể tiền bình)	đ/bình		336.600	385.400	48.800	0,145	Petrolimex
40.009	Nước sạch sinh hoạt	Công ty cấp nước và Phát triển đô thị Đắk Nông	đ/m3		9.581	9.581	0	0,000	Trung bình 10m3 đầu tiên trên địa bàn các huyện tại các hộ dân cư
<b>5</b>	<b>THUỐC CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI</b>								
<b>6</b>	<b>GIAO THÔNG</b>								
70.001	Trông giữ xe máy		đ/lượt		5.000	5.000	0	0,000	Cả ngày+đêm
70.002	Trông giữ ô tô		đ/lượt		20.000	20.000	0	0,000	Cả ngày+đêm
70.003	Giá cước ô tô đi đường dài	BX.Gia nghĩa-BX.Miền đông	đ/vé		140.000	224.000	84.000	0,600	
70.004	Giá cước xe buýt công cộng	Đi trong nội tỉnh, dưới 30km	đ/vé		15.000	15.000	0	0,000	
70.005	Giá cước taxi	Lấy giá 10km đầu, loại xe 4 chỗ	đ/km		14.200	14.200	0	0,000	Taxi mai linh-T.Vios
70.006	Xăng E5 Ron 92		đ/lít		20.270	20.230	-40	-0,002	
70.007	Xăng Ron 95		đ/lít		21.510	21.430	-80	-0,004	
70.008	Dầu Diezel		đ/lít		16.920	16.830	-90	-0,005	
<b>7</b>	<b>DỊCH VỤ GIÁO DỤC</b>								
80.001	Dịch vụ giáo dục trường mầm non công lập	Các trường khu vực I	Đồng/tháng		30.000	30.000	0	0,000	
80.002	Dịch vụ giáo dục trường trung học cơ sở công lập (lớp 8)	Các trường khu vực I	Đồng/tháng		35.000	35.000	0	0,000	

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (Giá bình quân)	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
80.003	Dịch vụ giáo dục trường trung học phổ thông công lập (lớp 11)	Các trường khu vực I	Đồng/tháng		45.000	45.000	0	0,000	
<b>8</b>	<b>GIẢI TRÍ VÀ DU LỊCH</b>								
90.002	Phòng khách sạn 3 sao hoặc tương đương	Hai giường đơn hoặc 1 giường đôi, có tivi, điều hòa nước nóng, điện thoại cố định, vệ sinh khép kín,Wifi	đ/ngày-đêm		250.000	250.000	0	0,000	Khách sạn 19/8, phòng 1 giường đôi
<b>9</b>	<b>VÀNG, ĐÔ LA MỸ</b>								
100.001	Vàng 99,99%	Kiểu nhẫn tròn 1 chi	1000 đ/chi		4.240.000	4.380.000	140.000	0,033	Giá bán ra
100.002	Đô la Mỹ	Loại tờ 100USD	đ/USD		23.230	23.100	-130	-0,00560	Giá bán ra